BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2349/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2018

VĂN PHÒNG ĐẾN Số: 9161
Ngày: 17/8/18
Chuyển: - CVP
- KSTTHC

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước";

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Căn cứ Phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ được phê duyệt:

Giao Văn phòng chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế và các Vụ, Cục, các đơn vị có liên quan tổng hợp các đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản không thuộc thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Giao Văn phòng Bộ chủ trì phối hợp với các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan xây dựng Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Bộ trưởng ký ban hành trong năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, VP_{KSTTHC} (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Mạnh Hùng

Phụ lục I

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIỮ NGUYÊN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Báo cáo trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 2349 /QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ

1. Báo cáo về công tác truyền thông (về thành tích, tấm gương nhà giáo tiêu biểu)

- Lý do: Không thuộc chế độ báo cáo định kỳ hàng năm, chỉ được quy định trong Công văn.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

2. Báo cáo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh năm học 2017-2018

- Lý do: Không thuộc chế độ báo cáo định kỳ hàng năm, chỉ được quy định tại Công văn.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

3. Báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lí các cơ sở giáo dục thường xuyên

- Lý do: Trùng với nội dung tại Báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên và cán bộ quản lý trường mầm non, phổ thông do Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục chủ trì. Ngoài ra, trong Thông tư số 33/2011/TT-BGDĐT ngày 08/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên giáo dục thường xuyên không quy định về chế độ báo cáo này

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

4. Báo cáo sơ kết học kỳ 1 năm học về giáo dục dân tộc

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là hết học kỳ I nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo tổng kết năm học đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung

nội dung thực hiện công tác giáo dục dân tộc theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo sơ kết học kỳ I do Văn phòng chủ trì.

5. Báo cáo tổng kết năm học về giáo dục dân tộc

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là cuối năm học nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo tổng kết năm học đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục dân tộc theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo tổng kết năm học do Văn phòng chủ trì.

6. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác HSSV học kỳ I và năm học

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác HSSV học kỳ I và năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là cuối năm học nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo tổng kết học kỳ I và tổng kết năm học đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục chính trị và công tác HSSV theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo tổng kết học kỳ I và tổng kết năm học do Văn phòng chủ trì.

7. Báo cáo việc tổ chức Tuần Sinh hoạt công dân – HSSV đầu khóa, cuối khóa

- Lý do: Nội dung này trùng với nội dung trong báo cáo thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị và công tác học sinh sinh viên được đề nghị tích hợp trong báo cáo tổng kết học kỳ I và tổng kết năm học do Văn phòng chủ trì. Mặt khác, chế độ báo cáo này chỉ được quy định tại Công văn, không phải văn bản quy phạm pháp luật.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

8. Báo cáo chuyên đề giáo dục, hướng dẫn cách sử dụng, khai thác thông tin trên Internet cho học sinh, sinh viên

- Lý do: Không phải chế độ báo cáo định kỳ hàng năm.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

9. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên hàng năm

- Lý do: Nhiều nội dung báo cáo trùng với báo cáo kết quả thực hiện Luật Thanh niên hàng năm , vì vậy có thể tích hợp trong Báo cáo kết quả thực hiện Luật Thanh niên hàng năm.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

10. Báo cáo kết quả thực hiện chiến dịch Thanh niên tình nguyên hè, Tiếp sức mùa thi hàng năm

- Lý do: Nhiều nội dung báo cáo trùng với báo cáo kết quả thực hiện Luật Thanh niên hàng năm , vì vậy có thể tích hợp trong Báo cáo kết quả thực hiện Luật Thanh niên hàng năm.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

11. Báo cáo, đánh giá hằng năm về công tác y tế trường học

- Lý do: Nội dung chế độ báo cáo này trùng với một số nội dung trong Báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học.

- Kiến nghị thực thi: Gộp với nội dung Báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học.

12. Báo cáo năm về công tác Thi đua, Khen thưởng

- Lý do: Thống kê trùng trong quá trình rà soát.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

13. Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo (BC hàng năm)

- Lý do: Đây là báo cáo đột xuất phục vụ kỳ họp quốc hội, không thuộc chế độ báo cáo định kỳ. Nội dung có trong Báo cáo công tác về thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng hàng năm

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

14. Báo cáo công tác PC tham nhũng (BC hàng năm)

- Lý do: Đây là báo cáo đột xuất phục vụ kỳ họp quốc hội, không thuộc chế độ báo cáo định kỳ. Nội dung có trong Báo cáo công tác về thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng hàng năm.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

15. Báo cáo công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Lý do: Đây là báo cáo đột xuất phục vụ kỳ họp quốc hội, không thuộc chế độ báo cáo định kỳ. Nội dung có trong Báo cáo công tác về thanh tra, giải quyết

khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng hàng năm.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

16. Báo cáo kết quả triển khai đánh giá theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên và cán bộ quản lý (báo cáo hàng năm)

- Lý do: Đã tích hợp trong báo cáo về công tác bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Bỏ yêu cầu các địa phương hàng năm phải báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT; Thông tư 29/2009/TT-BGDĐT; Thông tư số 14/2011/TT-BGDĐT; Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT; Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT; Quyết định số 14/2007/QĐ-BGDĐT.

17. Báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 36a về Chính phủ điện tử

- Lý do: Chế độ báo cáo thực hiện theo Nghị quyết 36a/NQ-CP do Văn phòng Chính phủ chủ trì, không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

18. Báo cáo kết quả thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo

- Lý do: Đã tích hợp trong báo cáo kết quả công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của các địa phương

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Bỏ yêu cầu các địa phương hàng năm phải báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT.

19. Báo cáo kết quả việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy

- Lý do: Không thuộc chế độ báo cáo định kỳ.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

20. Báo cáo danh sách đăng ký thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia

- Lý do: Không thuộc chế độ báo cáo định kỳ; Nội dung không cần thiết phải xây dựng báo cáo, có thể thực hiện bằng hình thức đăng ký danh sách qua thư điện tử hoặc hệ thống e-office của ngành.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ; thực hiện theo hình thức đăng ký qua mạng.

21. Báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ (báo cáo hàng năm)

- Lý do: Nghị quyết 26/NQ-CP không yêu cầu báo cáo hàng năm.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ; tích hợp nội dung vào báo cáo tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ hằng năm.

22. Báo cáo định kỳ tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước (báo cáo định kỳ hàng năm)

- Lý do: Đã tích hợp trong Báo cáo tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ hằng năm.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

23. Báo cáo nâng cao chỉ số phát triển Chính phủ điện tử của Việt Nam - Báo cáo theo quý

- Lý do: Đã tích hợp trong Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a về Chính phủ điện tử gửi Văn phòng Chính phủ.

- Kiến nghị thực thi: Đề xuất thống nhất 1 đầu mối nhận báo cáo là Văn phòng Chính phủ, không gửi thêm Bộ Thông tin truyền thông; đồng thời, giảm tần suất báo cáo từ hàng quý sang 6 tháng/lần.

24. Báo cáo đánh giá hiện trạng ứng dụng CNTT cho công tác thống kê tại Bộ (báo cáo hàng năm)

- Lý do: Không thuộc chế độ báo cáo định kỳ.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

25. Báo cáo tình hình ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước (báo cáo hàng năm)

- Lý do: Không thuộc chế độ báo cáo định kỳ.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

26. Báo cáo tình hình phát triển và ứng dụng chữ ký số tại Việt Nam năm 2016 (báo cáo hàng năm)

- Lý do: Đây là báo cáo đột xuất, không thuộc chế độ báo cáo định kỳ.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

27. Báo cáo công tác tháng gửi Văn phòng Chính phủ

- Lý do: Đã có báo cáo công tác quý gửi Văn phòng Chính phủ, đề nghị bỏ chế độ báo cáo tháng nhằm đảm bảo việc báo cáo không bị trùng lặp về nội dung và tần suất báo cáo không quá nhiều.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ.

28. Báo cáo đánh giá kết quả thi đua năm học đối với giáo dục thường xuyên

- Lý do: Tích hợp với Báo cáo năm về công tác thi đua, khen thưởng do Vụ Thi đua - Khen thưởng chủ trì. Mặt khác, chế độ báo cáo chỉ được quy định trong Công văn hướng dẫn năm học, không được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

29. Báo cáo hằng năm (theo năm học) kết quả thực hiện Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020"

- Lý do: Hiện nay các địa phương không phải báo cáo về Bộ GDĐT, cơ quan nhận báo cáo là Ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

30. Báo cáo kết quả thực hiện Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại "cộng đồng học tập" cấp xã

- Lý do: Hiện nay các địa phương không phải báo cáo về Bộ GDĐT, cơ quan nhận báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, trong Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại "cộng đồng học tập" cấp xã không quy định chế độ báo cáo này.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

31. Báo cáo việc tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm

- Lý do: Hiện nay các địa phương không phải báo cáo về Bộ GDĐT, cơ quan nhận báo cáo là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ngoài ra, Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020 không quy định chế độ báo cáo này.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

32. Báo cáo việc tổ chức Ngày Sách Việt Nam hàng năm

- Lý do: Hiện nay các địa phương không phải báo cáo về Bộ GDĐT, cơ quan nhận báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo; các trường đại học, cao đẳng sư phạm.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

33. Báo cáo công tác bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục

- Lý do: Không thuộc chế độ báo cáo định kỳ.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

34. Báo cáo tổng kết năm học (về giáo dục mầm non)

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là cuối năm học nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo tổng kết năm học đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục mầm non theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo tổng kết năm học do Văn phòng chủ trì.

35. Báo cáo đầu năm học (về giáo dục tiểu học)

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là đầu năm học nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo đầu năm học đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục tiểu học theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo đầu năm học do Văn phòng chủ trì.

36. Báo cáo sơ kết học kỳ I (về giáo dục tiểu học)

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là hết học kỳ I nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo sơ kết học kỳ I đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục tiểu học theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo sơ kết học kỳ I do Văn phòng chủ trì.

37. Báo cáo tổng kết năm học (về giáo dục tiểu học)

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là cuối năm học nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo tổng kết năm học đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục tiểu học theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo tổng kết năm học do Văn phòng chủ trì.

38. Báo cáo sơ kết học kỳ I (về giáo dục trung học)

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là hết học kỳ I nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo sơ kết học kỳ I đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục trung học theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo sơ kết học kỳ I do Văn phòng chủ trì.

39. Báo cáo cuối năm học (về giáo dục trung học)

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là cuối năm học nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo tổng kết năm học đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục trung học theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo tổng kết năm học do Văn phòng chủ trì.

40. Báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ năm học đối với giáo dục thường xuyên

- Lý do: Chế độ báo cáo chỉ được quy định tại Công văn hướng dẫn năm học hàng năm, mặt khác, cơ quan thực hiện báo cáo là Sở Giáo dục và Đào tạo, thời điểm thực hiện việc báo cáo là cuối năm học nên có thể tích hợp chung trong 1 báo cáo tổng kết năm học đối với tất cả các cấp học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ. Bổ sung nội dung thực hiện công tác giáo dục thường xuyên theo năm học vào văn bản quy định chế độ báo cáo tổng kết năm học do Văn phòng chủ trì.

41. Báo cáo công tác giáo dục dân tộc hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Lý do: Chế độ báo cáo này không thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mà thuộc thẩm quyền của Ủy ban dân tộc.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

42. Báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống dịch bệnh

- Lý do: Nội dung chế độ báo cáo này trùng với một số nội dung trong Báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ chế độ báo cáo và tích hợp nội dung với Báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học.

43. Báo cáo kết quả triển khai Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường

- Lý do: Báo cáo được tổng hợp và hướng dẫn thực hiện theo Công văn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

44. Báo cáo hằng năm công tác Hiến máu tình nguyện dịp Tết và chiến dịch những giọt máu hồng hè

- Lý do: Báo cáo được tổng hợp và hướng dẫn thực hiện theo Công văn của Ban Chỉ đạo quốc gia vận động hiến máu tình nguyện, không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

45. Báo cáo kết quả triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ trước 30/12 hàng năm và dự kiến kế hoạch năm tới của đơn vị

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo Công văn hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

46. Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động khoa học công nghệ năm trước và kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ năm tiếp theo của Bộ

- Lý do: Không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ (thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

47. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường năm trước và kế hoạch sự nghiệp bảo vệ môi trường năm tiếp theo của Bộ

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

48. Báo cáo kết quả công tác tư pháp của Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tư pháp, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

49. Báo cáo thống kê tư pháp

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP của Bộ Tư pháp, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

50. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

51. Báo cáo tình hình thực hiện Đề án nâng cao chất lượng chương trình phổ biến giáo dục pháp luật của Bộ hàng năm

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

52. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

53. Báo cáo tình hình hợp tác quốc tế về pháp luật

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ

của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

54. Báo cáo công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

55. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 19 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Văn phòng Chính phủ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

56. Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

57. Báo cáo công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

58. Báo cáo kết quả công tác bồi thường nhà nước

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

59. Báo cáo kết quả thực hiện công tác pháp chế

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

60. Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tư pháp).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

61. Báo cáo năm về công tác thi đua khen thưởng

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Ban thi đua khen thưởng trung ương).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

62. Báo cáo tổng kết phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Ban thi đua khen thưởng trung ương).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

63. Báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

64. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tài chính).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

65. Báo cáo quý, 6 tháng và cả năm của dự án ODA

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

66. Báo cáo 6 tháng và cả năm của dự án NGO

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã

ban hành.

67. Báo cáo thực hiện dự toán năm hiện hành và xây dựng dự toán năm kế hoạch, dự toán 3 năm kế hoạch (khối trực thuộc)

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tài chính).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

68. Báo cáo kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tài chính).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

69. Báo cáo quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Lý do: Chế độ báo cáo thực hiện theo Công văn hướng dẫn, yêu cầu hàng năm của Ủy ban Văn hóa giáo dục thanh niên, thiếu niên, nhi đồng của Quốc hội, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

70. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Lý do: Chế độ báo cáo thực hiện theo Công văn hướng dẫn, yêu cầu hàng năm của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

71. Báo cáo quyết toán hàng năm

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tài chính).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

72. Báo cáo xét chuyển số dư dự toán, số dư tạm ứng ngân sách hàng năm

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tài chính).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

73. Báo cáo phương án phân bổ ngân sách hàng năm

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Tài chính).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

74. Báo cáo về hoạt động của các trường đào tạo, bồi dưỡng có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trực thuộc theo thẩm quyền quản lý nhà nước của các Bộ

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

75. Báo cáo công tác cải cách hành chính (quý I; 6 tháng, Quý III; cả năm)

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

76. Báo cáo về tình hình thực hiện dân chủ tại Bộ (hằng năm)

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

77. Báo cáo công tác ngành nội vụ (Quý I; 6 tháng; Quý III; cả năm)

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

78. Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

79. Báo cáo tổng hợp kết quả kê khai tài sản, thu nhập

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

80. Báo cáo về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của Bộ (hằng năm)

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

81. Báo cáo kết quả thực hiện chế độ lương (cả năm)

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

82. Báo cáo tinh giản biên chế

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

83. Báo cáo Tổng hợp đề xuất kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

84. Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

85. Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng năm.

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo Công văn yêu cầu của Ban Tổ chức trung ương, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo

dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

86. Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng công chức

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

87. Báo cáo Kế hoạch tuyển dụng công chức

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

88. Báo cáo kết quả xét tuyển đặc cách viên chức

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

89. Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ viên chức

- Lý do: Chế độ báo cáo không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thuộc Bộ Nội vụ).

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

90. Báo cáo công tác về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng

- Lý do: Chế độ báo cáo thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

91. Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo (tháng)

- Lý do: Chế độ báo cáo thực hiện theo Công văn yêu cầu của Thanh tra Chính phủ, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã

ban hành.

92. Báo cáo thi đua khối ngành thanh tra (quý/năm)

- Lý do: Chế độ báo cáo thực hiện theo Công văn yêu cầu của Thanh tra Chính phủ, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

93. Báo cáo tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan Nhà nước

- Lý do: Chế độ báo cáo thực hiện theo Công văn yêu cầu của Bộ Thông tin truyền thông, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

94. Báo cáo cung cấp số liệu về mức độ sẵn sàng phát triển và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm

- Lý do: Chế độ báo cáo thực hiện theo Công văn yêu cầu của Bộ Thông tin truyền thông, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

95. Báo cáo công tác quý gửi Văn phòng Chính phủ

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo Công văn yêu cầu của Văn phòng Chính phủ, không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

96. Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết của Quốc hội theo kỳ họp Quốc hội

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo yêu cầu của Văn phòng Quốc hội, không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

97. Báo cáo triển khai Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 08/02/2017 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TW về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo

đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ, Văn phòng TW Đảng, Ban Tuyên giáo TW, không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

98. Báo cáo kết quả việc cung cấp thông tin cho Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố về tình hình giáo dục trước kỳ họp thứ 3, Quốc hội khoá XIV

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo yêu cầu của các kỳ họp Quốc hội, không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

II. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐƠN GIẢN HÓA

1. Báo cáo thực hiện nâng cao hiệu quả một số hoạt động giáo dục hàng năm

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục 3 Chỉ thị số 1537/CT-BGDĐT ngày 05/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông

3. Báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

- Phương án đơn giản hóa: Gộp hai chế độ báo cáo trên thành Báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trường mầm non, phổ thông.

- Lý do: Hai chế độ báo cáo có nội dung tương tự nhau, do cùng 1 cơ quan thực hiện báo cáo (Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Kiến nghị thực thi: Gộp hai chế độ báo cáo Báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và Báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và

trường phổ thông có nhiều cấp học thành Báo cáo kết quả bồi dưỡng thường xyên giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trường mầm non, phổ thông tại Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 19 Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT và Thông tư số 27/2015/TT-BGDĐT.

4. Báo cáo trước kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo giấy và báo cáo qua phần mềm điện tử.

- Lý do: Đảm bảo yêu cầu cập nhật thông tin kịp thời về kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, các cơ quan gửi báo cáo cần gửi qua mạng để kịp thời tổng hợp được nội dung thay vì chờ báo cáo giấy được gửi qua đường văn thư. Tiết kiệm thời gian và chi phí thực hiện của đối tượng báo cáo

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung hình thức báo cáo qua hệ thống phần mềm đối với Báo cáo trước kỳ thi trung học phổ thông quốc gia tại Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Xây dựng hệ thống tổng hợp báo cáo tình hình trước kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia trên Hệ thống thông tin báo cáo về thi trung học phổ thông Quốc gia, cho phép các địa phương gửi bản mềm báo cáo lên Hệ thống và cập nhật tình hình thực hiện khi có yêu cầu và theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BGDĐT.

5. Báo cáo hằng năm về kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên (theo từng năm học)

6. Báo cáo hằng năm về kết quả kiểm định chất lượng trường mầm non (theo từng năm học)

- Phương án đơn giản hóa: Gộp 2 báo cáo trên thành Báo cáo về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tại địa phương.

- Lý do: Các đối tượng báo cáo này đều do Sở GDĐT là đầu mối tổng hợp, gửi Báo cáo đến Bộ GDĐT, không cần thiết phải xây dựng thành các báo cáo riêng.

- Kiến nghị thực thi: Gộp 2 báo cáo Báo cáo hằng năm về kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông, thường xuyên (theo từng năm học) và Báo cáo hằng năm về kết quả KĐCL trường mầm non (theo từng năm học) thành Báo cáo về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tại địa phương tại Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu báo cáo tại Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2014/TT-BGDĐT.

7. Báo cáo tổng kết năm học về công nghệ thông tin (báo cáo hàng năm)

- Phương án sửa đổi: Sửa tên báo cáo thành Báo cáo thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin hàng năm, áp dụng hình thức gửi báo cáo qua hệ thống phần mềm.

- Lý do: Để phù hợp với nội dung báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa tên báo cáo tổng kết năm học về công nghệ thông tin thành báo cáo thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin hàng năm tại Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Áp dụng việc gửi báo cáo của các Sở GDĐT qua hệ thống e-office của Bộ theo Công văn hướng dẫn năm học hằng năm.

8. Báo cáo tình hình chuẩn bị năm học và tổ chức khai giảng (báo cáo trước 10/9 hàng năm)

- Phương án sửa đổi: Sửa tên báo cáo thành Báo cáo tình hình đầu năm học. Áp dụng hình thức gửi báo cáo qua hệ thống phần mềm.

- Lý do: Chỉ yêu cầu về tình hình chuẩn bị năm học và tổ chức khai giảng thì không cần thiết phải xây dựng báo cáo định kỳ, nên quy định thêm các nội dung báo cáo như: công tác chuẩn bị năm học và tình hình đầu năm học của các cấp học; đồng thời, lùi thời hạn báo cáo sang tháng 10 hằng năm cho phù hợp.

- Kiến nghị thực thi: Sửa tên báo cáo thành Báo cáo tình hình đầu năm học tại Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ. Lùi thời hạn gửi báo cáo từ trước ngày 10/9 hàng năm sang trước 10/10 hàng năm trong Công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm của Bộ. Áp dụng việc gửi báo cáo của các Sở GDĐT qua hệ thống e-office của Bộ theo Công văn hướng dẫn năm học hằng năm.

9. Báo cáo kết quả thực hiện việc quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12 Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT.

10. Báo cáo chuyên đề đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh hằng năm

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn

bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Mục 3.3.4, Kế hoạch số 178/KH-BGDĐT ngày 16/3/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Báo cáo chuyên đề tăng cường quản lý, đảm bảo an toàn cho học sinh, sinh viên trong dịp nghỉ hè hàng năm

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a Mục 4 Chỉ thị số 1921/CT-BGDĐT ngày 31/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12. Báo cáo chuyên đề xây dựng môi trường văn hóa trong trường học hàng năm

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ) trong Công văn hướng dẫn hàng năm.

13. Báo cáo chuyên đề giáo dục an toàn giao thông hàng năm và tháng cao điểm giáo dục an toàn giao thông (tháng 9 hàng năm)

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ) trong Công văn hướng dẫn hàng năm.

14. Báo cáo kết quả thực hiện Luật Thanh niên hàng năm

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản

và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ) trong Công văn hướng dẫn hàng năm.

15. Báo cáo hằng năm về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; phòng chống xâm hại trẻ em

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ) trong Công văn hướng dẫn hàng năm.

16. Báo cáo hàng năm về công tác dinh dưỡng, An toàn thực phẩm tổ chức bữa ăn bán trú trong trường học

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ) trong Công văn hướng dẫn hàng năm.

17. Báo cáo tổng kết kết quả tổ chức thi chọn học sinh giỏi quốc gia của đơn vị

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ) trong khoản 1 Điều 14 Quy chế thi chọn học sinh giỏi quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 56/2011/TT-BGDĐT.

18. Báo cáo tổng kết khảo sát thử nghiệm và khảo sát chính thức các chương trình đánh giá quốc tế (PISA, TALIS, SEA PLM) và đánh giá quốc gia (NAM).

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ) trong Quy định về Đánh giá định kỳ quốc gia kết quả học tập của học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 51/2011/TT-BGDĐT.

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ GIỮ NGUYÊN

A. Chế độ báo cáo định kỳ đề nghị giữ nguyên theo Quyết định số 4883/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2017

1. Báo cáo số liệu đầu năm học đối với giáo dục tiểu học (qua phần mềm EQMS).

2. Báo cáo số liệu giữa năm học đối với giáo dục tiểu học(qua phần mềm EQMS).

3. Báo cáo số liệu cuối năm học đối với giáo dục tiểu học(qua phần mềm EQMS).

4. Báo cáo hằng năm kết quả giáo dục người khuyết tật đối với giáo dục thường xuyên.

5. Báo cáo kết quả việc đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

6. Báo cáo chuyên đề công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên hàng năm.

7. Báo cáo việc triển khai công tác phối hợp gia đình, nhà trường và xã hội.

8. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Quyết định 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2017-2020, định hướng 2025.

9. Báo cáo kết quả thực hiện công tác giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học.

10. Báo cáo hằng năm về công tác phòng, chống tác hại của thuốc lá, lạm dụng đồ uống có cồn.

11. Báo cáo kết quả xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích

12. Báo cáo sơ kết phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học giai đoạn 2016-2020".

13. Báo cáo tổng kết phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học giai đoạn 2016-2020".

14. Báo cáo thực hiện Quy chế công khai.

15. Báo cáo về việc lưu học sinh đi học nước ngoài.

16. Báo cáo về việc tiếp nhận người nước ngoài vào Việt Nam học tập.

17. Báo cáo công tác quản lý chuyên gia giáo dục Việt Nam (hàng năm trước ngày 15/12).

18. Báo cáo kết quả thi trung học phổ thông quốc gia.

19. Báo cáo xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông sơ bộ.

20. Báo cáo xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông chính thức.

21. Báo cáo đánh giá tình hình triển khai và KQ thực hiện KH hành động của Bộ GDĐT thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày14/10/2015 của CP về CP điện tử.

22. Báo cáo triển khai Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

23. Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 99/QĐ-TTg ngày 14/01/2014 phê duyệt Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020 và Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 19/6/2015 phê duyệt Đề án Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin đến năm 2020.

24. Báo cáo ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 của Bộ GDĐT.

25. Báo cáo thống kê năm học đối với khối mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

26. Báo cáo sơ kết học kỳ 1 (hằng năm trước ngày 31/1).

27. Báo cáo tổng kết năm học, kết quả thực hiện các tiêu chí thi đua và đề nghị xét khen thưởng năm học (trước 25/6 hàng năm).

28. Báo cáo hằng năm (theo năm học) kết quả thực hiện Đề án Xóa mù chữ đến năm 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Lý do: Các báo cáo này thực sự cần thiết, đảm bảo cập nhật thông tin, số liệu thường xuyên một cách đầy đủ, chính xác, phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ. Các báo cáo nêu trên đều được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, quy định rõ thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm gửi báo cáo, tần suất báo cáo, mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu kèm theo.

B. Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4883/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2017

1. Báo cáo kết quả thực hiện việc cấp học bổng, hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật

- Văn bản quy định: Khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Báo cáo kết quả tuyển sinh của trường chuyên với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Văn bản quy định: Khoản 5 Điều 23 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Báo cáo tuyển sinh chậm nhất vào ngày 30 tháng 8 hàng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 23 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên ban hành kèm theo Thông tư số 06/2012/TT-BGDĐT, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 12/2014/TT-BGDĐT.

3. Báo cáo tình hình, kết quả tổ chức Cuộc thi khoa học, kỹ thuật của học sinh trung học tại địa phương hàng năm

- Văn bản quy định: Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 38/2012/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 32/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Thông tư số 38/2012/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 32/2017/TT-BGDĐT.

4. Báo cáo xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ học tập, tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước của địa phương

- Văn bản quy định: Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5. Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Văn bản quy định: Điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Bộ GDĐT .

- Cơ quan nhận báo cáo: Thủ tướng Chính phủ.

6. Báo cáo kết quả tổ chức dạy và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hàng năm

- Văn bản quy định: Điều 10 Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Các trường CĐSP, ĐHSP, đại học có khoa sư phạm được giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc thiểu số; Sở GDĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 36/2012/TT-BGDĐT.

7. Báo cáo kết quả thực hiện chế độ cử tuyển của địa phương hàng năm

- Văn bản quy định: Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 134/2006/NĐ-CP được sửa đổi tại Nghị định số 49/2015/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

8. Báo cáo về tình hình hoạt động liên kết đào tạo của các cơ sở giáo dục trực thuộc

- Văn bản quy định: Điều 11 Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Bộ QP; Bộ CA; Đại học quốc gia; Đại học vùng; Cơ sở GDĐH được phép thực hiện tự chủ liên kết đào tạo.

9. Báo cáo về tình hình hoạt động liên kết đào tạo tại địa phương

- Văn bản quy định: Điều 11 Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

10. Báo cáo bằng văn bản tổng hợp tình hình đào tạo của các trường TCCN có ngành đào tạo sư phạm trên địa bàn

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 27 Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (trước ngày 25 tháng 01 của năm tiếp theo).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT.

11. Báo cáo công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong các trường phổ thông

- Văn bản quy định: Điều 11, 12 Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Sơ kết, tổng kết theo năm học).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 11, 12 Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT.

12 Báo cáo tổng hợp tình hình về công tác HSSV nội trú của các nhà trường trên địa bàn

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 19 Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (trước 30 tháng 7 hàng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT; Các bộ, ngành khác có các nhà trường trực thuộc; Các nhà trường trực thuộc Bộ GDĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT.

13. Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện việc tiếp nhận, xét chọn và trao tặng học bổng, trợ cấp cho người học của các cơ sở giáo dục trực thuộc

- Văn bản quy định: Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 35/2011/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (trước ngày 30 tháng 8 hàng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Thông tư số 35/2011/TT-BGDĐT.

14. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn

- Văn bản quy định: Điều 11 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BCA-BGDĐT-BVHTTDL-BLĐTBXH.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

15. Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh TH, THCS và THPT ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP hằng năm

- Văn bản quy định: Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Bộ GDĐT.

- Cơ quan nhận báo cáo: Thủ tướng Chính phủ.

16. Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đối với học sinh TH, THCS và THPT ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP hằng năm tại địa phương

- Văn bản quy định: Điểm b khoản 5 Điều 11 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

17. Báo cáo kết quả triển khai các hoạt động chữ thập đỏ trong các cơ sở giáo dục tại địa phương

- Văn bản quy định: Khoản 3 Điều 10 Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

18. Báo cáo về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập hằng năm

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 5 Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg

- Tần suất: Theo năm (Trước ngày 15 tháng 02 hằng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Bộ GDĐT báo cáo Thủ tướng Chính phủ

19. Báo cáo về công tác lưu học sinh

- Văn bản quy định: Khoản 6 Điều 7 Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg

- Tần suất: Theo năm (Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

20. Báo cáo việc triển khai thực hiện việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài trong các cơ sở thuộc phạm vi quản lý hàng năm

- Văn bản quy định: Khoản 3 Điều 11, Điều 12 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Các bộ, ngành liên quan.

21. Báo cáo việc triển khai thực hiện dạy học bằng tiếng nước ngoài tại các địa phương, cơ sở giáo dục thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước

- Văn bản quy định: Khoản 1 Điều 11 Quyết định số 72/2014/QĐ-TTg

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Bộ GDĐT; Bộ LĐTBXH báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

22. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án 599 (định kỳ, sơ kết, tổng kết)

- Văn bản quy định: Khoản 3 Điều 22 Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BGDĐT-BTC.

- Tần suất: Định kỳ, sơ kết và tổng kết.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Bộ GDĐT báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

23. báo cáo việc thực hiện liên kết theo từng năm học

- Văn bản quy định: Khoản 5 Điều 14 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm, trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

24. Báo cáo về tình hình thực hiện hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục với Thủ tướng Chính phủ

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 62 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Bộ GDĐT.

25. Báo cáo về tình hình thực hiện hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục với Bộ GDĐT

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 65 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm, trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

26. Báo cáo kết quả công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của các địa phương

- Văn bản quy định: Điểm d khoản 4 Điều 8 Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm, tháng 6 hàng năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 4 Điều 8 Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT.

27. Báo cáo dữ liệu về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của tỉnh

- Văn bản quy định: Điều 7, 9 Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Trước ngày 10 tháng 10 hàng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: UBND cấp tỉnh.

28. Báo cáo kết quả thực hiện công tác pháp chế

- Văn bản quy định: Công văn hướng dẫn năm học về công tác pháp chế; Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm, tháng 6 hàng năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

28. Báo cáo việc thực hiện công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp

- Văn bản quy định: Khoản 1 Điều 9 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Trước ngày 25 tháng 12 hằng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Sở GDĐT.

Phụ lục II

DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIỮ NGUYÊN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Báo cáo cá nhân/tổ chức gửi cơ quan Nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 2349/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường năm trước và kế hoạch hoạt động bảo vệ môi trường năm tiếp theo của đơn vị

- Lý do: Chế độ báo cáo được thực hiện theo Công văn hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, không thuộc phạm vi rà soát chế độ báo cáo định kỳ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của Bộ đã ban hành.

2. Báo cáo kết quả bồi dưỡng, cấp chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên các đại học, trường đại học, cao đẳng, học viện hằng năm

- Lý do: Đã tích hợp trong báo cáo kết quả công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của các trường đại học.

- Kiến nghị thực thi: Đưa ra khỏi Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

Bỏ yêu cầu các địa phương hàng năm phải báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 6 Điều 14 Thông tư số 20/2013/TT-BGDĐT ngày 16/6/2013.

II. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐƠN GIẢN HÓA

1. Báo cáo danh sách giáo sư, phó giáo sư

2. Báo cáo việc miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư

- Phương án đơn giản hóa: Gộp hai chế độ báo cáo trên thành Báo cáo việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

- Lý do: Hai chế độ báo cáo về cùng đối tượng báo cáo do cùng 1 cơ quan thực hiện báo cáo (Cơ sở giáo dục đại học).

- Kiến nghị thực thi: Gộp hai chế độ báo cáo danh sách giáo sư, phó giáo sư và Báo cáo việc miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư trên thành Báo cáo

việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ tại Thông tư số 16/2009/TT-BGDĐT và Thông tư 30/2012/TT-BGDĐT.

3. Báo cáo hàng tháng về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

- Phương án đơn giản hóa: Giảm tần suất thực hiện báo cáo xuống còn 01 lần/ quý.

- Lý do: Giảm 75% số lượng báo cáo. Tần suất báo cáo về kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo tháng là không cần thiết, nhiều số liệu chưa đủ để cập nhật.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định về tần suất báo cáo tại Điều 56 Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT; khoản 2 Điều 30 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT.

4. Báo cáo hàng năm về tình hình hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp sư phạm

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT.

5. Báo cáo kết quả bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học

- Văn bản quy định: Điểm h khoản 1 Điều 49 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP; Luật giáo dục đại học; Điều lệ trường đại học.

- Phương án sửa đổi, bổ sung: đổi tên báo cáo thành Báo cáo kết quả công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của các trường đại học.

- Lý do: nhằm tổng hợp nhiều nội dung liên quan khác về công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở các cơ sở giáo dục đại học.

- Kiến nghị thực thi: Sửa tên "Báo cáo kết quả bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giảng viên các cơ sở giáo dục đại học" thành "Báo cáo kết quả công tác xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục của các trường đại học" tại Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ GIỮ NGUYÊN

A. Chế độ báo cáo định kỳ đề nghị giữ nguyên theo Quyết định số 4883/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2017

1. Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng tối thiểu.

2. Báo cáo tổng kết năm học đối với giáo dục đại học.

3. Báo cáo kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên và những kiến nghị, đề xuất (kỳ I và năm học) về giáo dục quốc phòng và an ninh.

4. Báo cáo hàng năm về tình hình thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ.

5. Báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về khoa học công nghệ cấp Bộ.

6. Báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.

7. Báo cáo kế hoạch tuyển dụng viên chức (đối với Các đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc chưa tự chủ tài chính).

8. Báo cáo về việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập.

9. Báo cáo về việc tổ chức bồi dưỡng, kiểm tra, thi và cấp chứng chỉ nghiệp vụ tư vấn du học.

10. Báo cáo công tác tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

11. Báo cáo thống kê năm học đối với khối đào tạo.

Lý do: Các báo cáo này thực sự cần thiết, đảm bảo cập nhật thông tin, số liệu thường xuyên một cách đầy đủ, chính xác, phục vụ tốt cho công tác quản lý nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ. Các báo cáo nêu trên đều được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, quy định rõ thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm gửi báo cáo, tần suất báo cáo, mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu số liệu kèm theo.

B. Chế độ báo cáo định kỳ rà soát bổ sung, chưa có trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 4883/QĐ-BGDĐT ngày 16/11/2017

1. Báo cáo kết quả đào tạo cử tuyển hàng năm

- Văn bản quy định: Khoản 4 Điều 17 Nghị định số 134/2006/NĐ-CP được sửa đổi tại Nghị định số 49/2015/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp có đào tạo nhóm ngành giáo viên.

2. Báo cáo công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có nhóm ngành đào tạo giáo viên

- Văn bản quy định: Khoản 3, 4 Điều 8 Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo công văn hướng dẫn.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có nhóm ngành đào tạo giáo viên.

3. Báo cáo kết quả tuyển sinh đại học hệ chính quy, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có nhóm ngành đào tạo giáo viên

- Văn bản quy định: Khoản 4 Điều 2; Điều 21 Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT; Thông tư số 07/2018/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm. (trước ngày 31/12 hàng năm)

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp có nhóm ngành đào tạo giáo viên.

4. Báo cáo kết quả nhập học của thí sinh sau mỗi kỳ tuyển sinh

- Văn bản quy định: Điểm d khoản 3 Điều 13 Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo kỳ tuyển sinh.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục.

5. Báo cáo kết quả của công tác tuyển sinh vừa làm vừa học

- Văn bản quy định: Điểm c khoản 2 Điều 6 Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo kỳ tuyển sinh.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở đào tạo vừa làm vừa học.

6. Báo cáo công tác đào tạo vừa làm vừa học hàng năm

- Văn bản quy định: khoản 1 Điều 17 Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm. (tháng 12 hàng năm)

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở đào tạo vừa làm vừa học.

7. Báo cáo về tình hình tuyển sinh liên kết đào tạo

- Văn bản quy định: Điều 11 Thông tư số 07/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo kỳ tuyển sinh.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục chủ trì đào tạo.

8. Báo cáo công tác tổ chức tuyển sinh và kết quả tuyển sinh kèm theo các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển sau mỗi đợt tuyển sinh

- Văn bản quy định: Điểm a khoản 8 Điều 14 Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo kỳ tuyển sinh.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở GDĐH có đào tạo tiến sĩ.

9. Báo cáo công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh từng ngành của năm tiếp theo

- Văn bản quy định: Điểm b khoản 8 Điều 14 Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (tháng 12 hằng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở GDĐH có đào tạo tiến sĩ.

10. Báo cáo kết quả đào tạo từ xa

- Văn bản quy định: Điều 9 Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (tháng 12 hằng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở GDĐH.

11. Báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

- Văn bản quy định: Điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (trước ngày 30/01 hàng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng có ngành đào tạo giáo viên.

12. Báo cáo công tác tuyển sinh hệ dự bị đại học hàng năm

- Văn bản quy định: Điểm b Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (ngày 05 tháng 11 năm tuyển sinh).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở dự bị đại học.

13. Báo cáo kết quả bồi dưỡng, xét chọn và phân bổ học sinh dự bị đại học vào học tại các cơ sở giáo dục đại học hàng năm

- Văn bản quy định: Điểm c Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Kết thúc năm học hệ dự bị đại học).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở dự bị đại học.

14. Báo cáo kết quả đánh giá bảo vệ luận án cấp trường, viện trong 02 tháng

- Văn bản quy định: Điểm c khoản 8 Điều 14 Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: 2 tháng/lần.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở GD có đào tạo tiến sĩ.

- Phương án đơn giản hóa: giảm tần suất báo cáo từ 2 tháng/lần xuống 6 tháng/lần.

- Lý do: Số liệu 2 tháng không phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình bảo vệ luận án cấp trường, viện.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định về tần suất báo cáo tại điểm c khoản 8 Điều 14 Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT.

15. Báo cáo tình hình chỉ đạo, kết quả tổ chức triển khai các hoạt động văn hóa thường xuyên

- Văn bản quy định: Điều 9 Thông tư số 26/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (trước tháng 7 hằng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: các CSGD đại học, trường cao đẳng, trung cấp sư phạm.

16. BC công tác sinh viên và công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy

- Văn bản quy định: Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT; khoản 3 Điều 22 Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (cuối năm học).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục đại học.

17. Báo cáo về tình hình thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp bộ trước ngày 31/12 hàng năm

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2018/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Tổ chức chủ trì dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ.

18. Báo cáo định kỳ hằng năm, 5 năm về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của trường

- Văn bản quy định: Khoản 7 Điều 20 Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (định kỳ hằng năm, 5 năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở GDĐH, trường cao đẳng, trung cấp có ngành đào tạo giáo viên.

19. Báo cáo (định kỳ 6 tháng, hàng năm) kết quả thực hiện của chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ

- Văn bản quy định: Khoản 5 Điều 18 Thông tư số 16/2012/TT-BGDĐT.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ban chủ nhiệm chương trình KHCN cấp Bộ; Tổ chức chủ trì Chương trình KHCN cấp Bộ.

20. Báo cáo quyết toán kinh phí chương trình KHCN cấp bộ

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 30 Thông tư số 16/2012/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Tổ chức chủ trì đề tài; Ban chủ nhiệm chương trình KHCN cấp Bộ.

21. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên

- Văn bản quy định: Điều 14 Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Định kỳ hàng năm, 5 năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục đại học.

22. Báo cáo kết quả thực hiện các phong trào thi đua do Bộ trưởng phát động trong năm.

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 35/2015/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Các vùng, khối thi đua.

23. Báo cáo kiểm toán chương trình, dự án ODA

- Văn bản quy định: Điểm b khoản 7 Điều 18 Thông tư số 06/2011/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo Luật kiểm toán.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ban quản lý chương trình, dự án ODA.

24. Báo cáo quyết toán các nguồn vốn của chương trình, dự án ODA, khoản viện trợ PCPNN

- Văn bản quy định: Điểm d khoản 7 Điều 18 Thông tư số 06/2011/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm hoặc khi hoàn thành Chương trình, dự án.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Ban quản lý chương trình, dự án ODA.

25. Báo cáo kết quả tổ chức, hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ hàng năm của Đại học vùng

- Văn bản quy định: Khoản 3 Điều 31 Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Kết thúc năm học).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Đại học vùng.

26. Báo cáo tiến độ học tập hoặc báo cáo tiến độ nghiên cứu có nhận xét của giáo viên hướng dẫn sau mỗi kỳ học, năm học

- Văn bản quy định: Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 10/2014/TT-BGDĐT được

sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 34/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo kỳ học, năm học.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Lưu học sinh.

27. Báo cáo về kế hoạch bảo vệ luận văn hoặc luận án và nhận bằng tốt nghiệp

- Văn bản quy định: Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 10/2014/TT-BGDĐT được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 34/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Định kỳ 3 tháng 1 lần.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Lưu học sinh tạm thời về nước trong thời gian chờ bảo vệ lấy bằng.

28. Báo cáo về tình hình, kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo Đề án 911

- Văn bản quy định: Điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Định kỳ 6 tháng và khi kết thúc thời gian đào tạo tại nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Nghiên cứu sinh.

29. Báo cáo kế hoạch và số lượng giảng viên cử đi đào tạo theo Đề án 911

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (trước ngày 31 tháng 3 hằng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Các trường cử giảng viên đi đào tạo.

30. Báo cáo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo theo các chuyên ngành được giao nhiệm vụ đào tạo và kế hoạch cử NCS đi thực tập ở nước ngoài của năm tiếp theo

- Văn bản quy định: Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Tháng 4 hàng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Các trường cử giảng viên đi đào tạo.

31. Báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo Đề án 911

- Văn bản quy định: Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Định kỳ 6 tháng và cuối thời gian đào tạo tại nước ngoài.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Nghiên cứu sinh.

32. Báo cáo tình hình tổ chức và kết quả thực hiện khóa đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 911

- Văn bản quy định: Điểm d khoản 2 Điều 29 Thông tư số 35/2012/TT-

BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (sau mỗi khóa đào tạo, bồi dưỡng).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Các Cơ sở đào tạo tiến sĩ theo Đề án 911.

33. Báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo Đề án 599

- Văn bản quy định: Khoản 4 Điều 17 Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BGDĐT-BTC.

- Tần suất: Định kỳ 06 tháng và sau khi kết thúc thời gian đào tạo.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Nghiên cứu sinh Đề án 559.

34. Báo cáo việc thực hiện liên kết giáo dục theo từng năm học

- Văn bản quy định: Khoản 3 Điều 27 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm, trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở GDĐH thực hiện liên kết đào tạo.

35. Báo cáo liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

- Văn bản quy định: Khoản 4 Điều 27 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Tần suất: Theo năm, trước ngày 15 tháng 01 hàng năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

36. Báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam hàng năm

- Văn bản quy định: Điểm đ khoản 2 Điều 54 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Tần suất: Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

37. Báo cáo về công tác bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập

- Văn bản quy định: Điều 9 Thông tư số 13/2017/TT-BGDĐT; Quyết định số 1611/QĐ-BGDĐT, 1612/QĐ-BGDĐT, 1613/QĐ-BGDĐT ngày 16/5/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Tần suất: Theo năm, trước ngày 30/11 hàng năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Các cơ sở giáo dục đại học.

38. Báo cáo kết quả thi, đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 25 Thông tư số 23/2017/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi công bố kết quả cuối

cùng của kỳ thi.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Trung tâm ngoại ngữ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập; Trường ĐH có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ, đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ, các trường CĐSP có đào tạo chuyên ngành ngoại ngữ.

39. Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo hằng năm

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 25, khoản 1 Điều 29 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục có chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25, khoản 1 Điều 29 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT.

40. Báo cáo giữa kỳ thực hiện Chương trình đào tạo sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

- Văn bản quy định: Khoản 5 Điều 25 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Báo cáo giữa kỳ vào thời điểm 2,5 năm (hai năm rưỡi) sau khi được công nhận

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục có chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 25 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT.

41. Báo cáo về kết quả triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục hằng năm

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 30 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm.

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 30 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT.

42. Báo cáo về công tác in phôi, sử dụng phôi văn bằn, chứng chỉ hằng năm

- Văn bản quy định: Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT.

- Tần suất: Theo năm (Từ ngày 01/12 đến ngày 31/12 hằng năm).

- Cơ quan thực hiện báo cáo: Cơ sở giáo dục đại học tự in phôi văn bằng, chứng chỉ.

- Phương án đơn giản hóa: Quy định bổ sung hình thức thực hiện báo cáo qua phần mềm điện tử, đồng thời cho phép áp dụng cả 2 hình thức là báo cáo bằng văn bản và báo cáo qua phần mềm điện tử (hệ thống e-office của Bộ).

- Lý do: đơn giản hóa chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian, chi phí gửi báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT.